

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GLS
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GLS

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GLS INTERNATIONAL JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: GLS.JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0110390786

3. Ngày thành lập: 19/06/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 12A, tòa nhà hỗn hợp MD Complex Tower, khu đô thị Mỹ Đình 1, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0243 9185588

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Lắp đặt thiết bị phòng cháy và chữa cháy	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa Môi giới mua bán hàng hóa	4610
6.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ loại nhà nước cấm)	4620
7.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
8.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: kinh doanh thực phẩm chức năng	4632
9.	Bán buôn đồ uống	4633
10.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
11.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641

12.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc và dụng cụ y tế Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu	4649
13.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
14.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
15.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
16.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) Bán buôn máy móc, thiết bị y tế Mua bán trang thiết bị y tế Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu	4659
17.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh Bán buôn cao su Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Bán buôn điện, bán lẻ điện	4669
18.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
19.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
20.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
21.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
22.	Khai thác gỗ	0220

23.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
24.	Thu nhật lâm sản khác trừ gỗ	0232
25.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
26.	Khai thác thủy sản biển	0311
27.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
28.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
29.	Khai thác và thu gom than non	0520
30.	Khai thác dầu thô	0610
31.	Khai thác khí đốt tự nhiên	0620
32.	Khai thác quặng sắt	0710
33.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh Ủy thác xuất nhập khẩu Hoạt động nhượng quyền thương mại	8299
34.	Giáo dục nhà trẻ	8511
35.	Giáo dục mẫu giáo	8512
36.	Giáo dục tiểu học	8521
37.	Giáo dục trung học cơ sở	8522
38.	Giáo dục trung học phổ thông	8523
39.	Đào tạo sơ cấp	8531
40.	Đào tạo trung cấp	8532
41.	Đào tạo cao đẳng	8533
42.	Đào tạo đại học	8541
43.	Đào tạo thạc sĩ	8542
44.	Đào tạo tiến sĩ	8543
45.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
46.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
47.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu (trừ Dạy về tôn giáo , Các trường của các tổ chức Đảng, đoàn thể.)	8559
48.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
49.	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa	8620
50.	Hoạt động của hệ thống cơ sở chính hình, phục hồi chức năng	8692
51.	Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu	8699
52.	Hoạt động của các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng	8710
53.	Hoạt động chăm sóc sức khỏe người bị thiếu năng, tâm thần và người nghiện	8720

54.	Hoạt động chăm sóc sức khỏe người có công, người già và người khuyết tật không có khả năng tự chăm sóc	8730
55.	Hoạt động chăm sóc tập trung khác	8790
56.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn đầu tư	6619
57.	Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm Chi tiết : Hoạt động của đại lý bảo hiểm	6622
58.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản Quản lý vận hành nhà chung cư	6810
59.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Môi giới bất động sản Tư vấn và Quản lý bất động sản Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản	6820
60.	Hoạt động của trụ sở văn phòng	7010
61.	Hoạt động tư vấn quản lý trừ tư vấn thuế , pháp luật, tài chính, kiểm toán, kế toán, chứng khoán)	7020
62.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
63.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
64.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
65.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
66.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	7213
67.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
68.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học xã hội	7221
69.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nhân văn	7222
70.	Quảng cáo	7310
71.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
72.	Bán buôn tổng hợp (trừ loại nhà nước cấm)	4690
73.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
74.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
75.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722

76.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
77.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
78.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730
79.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
80.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
81.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
82.	Khai thác muối	0893
83.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu	0899
84.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên	0910
85.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	0990
86.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
87.	Chế biến, bảo quản thuỷ sản và các sản phẩm từ thuỷ sản	1020
88.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
89.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
90.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
91.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
92.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
93.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
94.	Sản xuất đường	1072
95.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
96.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
97.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
98.	Sản xuất chè	1076
99.	Sản xuất cà phê	1077
100.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
101.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thuỷ sản	1080
102.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
103.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
104.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
105.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
106.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
107.	In ấn	1811
108.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
109.	Sao chép bản ghi các loại	1820
110.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
111.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào lưu động hoặc tại chợ	4781

112.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
113.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ đấu giá)	4791
114.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (trừ đấu giá)	4799
115.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô theo hợp đồng Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định Kinh doanh vận tải hành khách du lịch bằng xe ô tô Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt	4932
116.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
117.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh bất động sản)	5210
118.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
119.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
120.	Bốc xếp hàng hóa	5224
121.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
122.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển Logistics	5229
123.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú ngắn ngày tương tự	5510
124.	Cơ sở lưu trú khác	5590
125.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
126.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
127.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
128.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
129.	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: Đại lý dịch vụ viễn thông Hoạt động thương mại điện tử	6190

130.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết : Hoạt động của đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
131.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
132.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước Cung ứng và quản lý nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài	7830(Chính)
133.	Đại lý du lịch	7911
134.	Điều hành tua du lịch	7912
135.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
136.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
137.	Xây dựng nhà để ở	4101
138.	Xây dựng nhà không để ở	4102
139.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
140.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
141.	Xây dựng công trình điện	4221
142.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
143.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
144.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
145.	Xây dựng công trình thủy	4291
146.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
147.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
148.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
149.	Phá dỡ (Loại trừ hoạt động nổ mìn)	4311
150.	Chuẩn bị mặt bằng (Loại trừ hoạt động nổ mìn)	4312
151.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
152.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
153.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
154.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
155.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
156.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771

157.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
158.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ vàng miếng và vàng nguyên liệu, Trừ bán lẻ súng đạn, tem và tiền kim khí)	4773

6. **Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ
Mệnh giá cổ phần:

7. **Số cổ phần được quyền chào bán:** 500.000

8. **Cổ đông sáng lập:**

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	PHẠM VŨ THIÊN	Số 44, phố Tân Xa, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	225.000	2.250.000.000	45,000	001093017076	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	225.000	2.250.000.000	45,000		

2	NGUYỄN THANH BÌNH	Số 44, phố Tân Xa, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	250.000	2.500.000.000	50,000	035080008884
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	250.000	2.500.000.000	50,000	
3	PHẠM THỊ THU HÒA	Số 44, phố Tân Xa, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	25.000	250.000.000	5,000	001181032096
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	25.000	250.000.000	5,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: PHẠM THỊ THU HÒA

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 06/03/1981

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001181032096

Ngày cấp: 21/04/2021

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Số 44, phố Tân Xa, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số 44, phố Tân Xa, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

* Họ và tên: NGUYỄN THANH BÌNH

Giới tính: Nam

Chức danh: *Chủ tịch hội đồng quản trị*

Sinh ngày: 01/02/1980

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 035080008884

Ngày cấp: 04/12/2021

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Số 44, phố Tân Xa, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số 44, phố Tân Xa, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội